VNU Journal of Science: Policy and Management Studies

Journal homepage: https://js.vnu.edu.vn/PaM

Original Article

A Bibliometric Analysis of Research Trends on Intellectual Property Rights Enforcement in Developing Cultural Industries

Nguyen Ba Binh*, Le Thi Vy, Nguyen Do Duy Quan, Le Tung Son

VNU University of Social Sciences and Humanities, 336 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam

Received 24th November 2025
Revised 19th July 2026; Accepted 2nd November 2026

Abstract: Intellectual property (IP) rights enforcement in developing cultural industries is an interdisciplinary research issue at the intersection of various scientific fields. Using bibliometric analysis, this study demonstrates the inevitability of interdisciplinary research trends between "cultural industries" and "intellectual property". On this basis, the article proposes solutions to advance scientific research activities and human resource training in alignment with these research trends in Vietnam.

Keywords: Intellectual property rights enforcement; cultural industries; bibliometric analysis.

* Corresponding author.
E-mail address: babinhkhqlvnu@gmail.com

https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4593

Phân tích trắc lượng thư mục các xu hướng nghiên cứu về thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong phát triển công nghiệp văn hoá

Nguyễn Bá Bình*, Lê Thị Vy, Nguyễn Đỗ Duy Quân, Lê Tùng Sơn

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội,
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 24 tháng 11 năm 2025
Chỉnh sửa ngày 19 tháng 7 năm 2026; Chấp nhận đăng ngày 02 tháng 11 năm 2026

Tóm tắt: Thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong phát triển các ngành công nghiệp văn hoá là một vấn đề nghiên cứu liên ngành với sự giao thoa của nhiều ngành, lĩnh vực khoa học khác nhau. Bằng phương pháp phân tích trắc lượng thư mục, bài viết chỉ ra tính tất yếu của xu hướng nghiên cứu liên ngành giữa "công nghiệp văn hoá" với "sở hữu trí tuệ". Qua đó, bài viết đề xuất các giải pháp nhằm phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học và đào tạo nguồn nhân lực gắn với các xu hướng nghiên cứu này ở Việt Nam.

Từ khóa: Thực thi quyền sở hữu trí tuệ; công nghiệp văn hóa; trắc lượng thư mục.

1. Dẫn nhập

Sự phát triển của các ngành công nghiệp văn hoá được đặt trong bối cảnh sự chuyển dịch của nền kinh tế từ khai thác tài nguyên truyền thống sang mô hình kinh tế dựa trên tri thức, ấn phẩm báo cáo thường niên của Hội nghị Liên Hợp Quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD) về kinh tế sáng tạo luôn nhấn mạnh rằng đây là lĩnh vực kinh tế có vị trí tạo động lực quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế toàn cầu [1]. Theo Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên hợp quốc (UNESCO), các ngành công nghiệp văn hoá đã tạo ra doanh thu lên đến 2,3 nghìn tỷ USD trên toàn cầu trong năm 2022 [2]. Từ góc độ quản lý sở hữu trí tuệ, dữ liệu từ Liên đoàn Quốc tế các Hiệp hội tác giả và Nhạc sĩ (CISAC) thống kê tiền bản quyền thu được từ hoạt động của các ngành công nghiệp văn hoá đã đạt kỷ lục 13,4 tỷ USD trên thế giới, trong đó chủ yếu là nguồn thu từ các nền tảng kỹ thuật số [1].

Tại Việt Nam, trong Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hoá năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045[1], đã đặt ra mục tiêu phát triển các ngành công nghiệp văn hoá đóng góp 9% GDP của đất nước và 8% lực lượng lao động của kinh tế [3]. Để hiện thực hóa mục tiêu này, việc thúc đẩy các nhân tố tác động đến phát triển các ngành công nghiệp văn hoá cần được chú trọng, trong đó, các vấn đề quản lý và khai thác các quyền sở hữu trí tuệ được tạo ra từ các ngành công nghiệp văn hóa được xem là yếu tố cốt lõi của sự phát triển. Bởi lẽ, quyền sở hữu trí tuệ vừa là công cụ bảo vệ, vừa là động lực cho sự sáng tạo, mang lại giá trị gia tăng cho các sản phẩm của các ngành công nghiệp văn hóa. Thực tiễn

* Tác giả liên hệ.
Địa chỉ email: babinhkhqlvnu@gmail.com

https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4593

[1] Ban hành kèm theo Quyết định số 2486/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

trong phát triển công nghiệp văn hóa cho thấy, các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là quyền tác giả đối với các sản phẩm sáng tạo diễn ra phổ biến, điều này không chỉ tác động đối với các chủ thể sáng tạo, mà quan trọng hơn, đó là tính bền vững trong sự phát triển của ngành, điều này đòi hỏi sự tham gia của các bên bao gồm: các nhà thực hành và quản lý hoạt động sáng tạo - các nhà khoa học và cơ quan quản lý Nhà nước. Trong số đó, các nhà khoa học được xem là chủ thể tiên phong, có sứ mệnh khai phá các tri thức mới giúp cho các chủ thể sáng tạo có thể quản lý và khai thác quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm sáng tạo của mình cũng như thông qua các luận cứ khoa học và thực tiễn có thể tư vấn hoàn thiện thể chế, chính sách thúc đẩy sự phát triển của các ngành công nghiệp văn hóa. Cũng cần nhấn mạnh rằng, nghiên cứu về thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong phát triển công nghiệp văn hóa là một lĩnh vực đòi hỏi sự nghiên cứu liên ngành: với sự đa dạng của các lĩnh vực khác nhau như: khoa học sở hữu trí tuệ, luật học (các vấn đề pháp lý trong thực thi quyền sở hữu trí tuệ, biện pháp dân sự, hành chính, hình sự), khoa học chính sách, văn hóa học, nghệ thuật học, di sản học,… và các lĩnh vực khoa học mang đặc thù chuyên môn của các ngành công nghiệp văn hóa khác.

Từ thực tiễn trên, câu hỏi nghiên cứu được đặt ra là: các xu hướng nghiên cứu khoa học về thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong phát triển các ngành công nghiệp văn hoá đang diễn biến như thế nào và có thể có những gợi mở gì về giải pháp cho hoạt động nghiên cứu khoa học và đào tạo nguồn nhân lực ở Việt Nam? Bằng phương pháp phân tích trắc lượng thư mục các công trình nghiên cứu khoa học về thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, bài viết nhận diện các xu hướng nghiên cứu nổi bật, từ đó đưa ra các hàm ý chính sách thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học và đào tạo nguồn nhân lực gắn với các xu hướng này ở Việt Nam.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp trắc lượng thư mục, thực hiện phân tích các công trình nghiên cứu liên quan đến thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong các ngành công nghiệp văn hoá. Kết quả phân tích trắc lượng thư mục là cơ sở cho việc nhận định, lý giải sự phát triển của các xu hướng nghiên cứu về thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong các ngành công nghiệp văn hoá. Các công trình nghiên cứu được thu thập từ cơ sở dữ liệu Proquest Central tính đến ngày 05/11/2025. Sau quá trình sàng lọc, có 98 công trình nghiên cứu được công bố dưới dạng là bài báo khoa học được đưa ra để phân tích trắc lượng thư mục. Về tiêu chí lựa chọn công trình nghiên cứu:

Chúng tôi lựa chọn các nghiên cứu về thực thi quyền sở hữu trí tuệ đối với các ngành công nghiệp văn hoá, được công bố bằng tiếng Anh trên các tạp chí khoa học (Lưu ý: các bài xã luận, sách, luận văn và luận án không được đưa vào phân tích).

Do các sản phẩm được tạo ra từ các ngành công nghiệp văn hóa chủ yếu thuộc đối tượng bảo hộ của quyền tác giả (mặc dù có một số đối tượng được bảo hộ dưới danh nghĩa là kiểu dáng công nghiệp - như ngành thiết kế sáng tạo, hay nhãn hiệu như du lịch,…), do đó, các công trình nghiên cứu sẽ tập trung chủ yếu ở góc độ quyền tác giả (thuộc quyền sở hữu trí tuệ).

Về chiến lược tìm kiếm và truy xuất các nghiên cứu:

Proquest Central là cơ sở dữ liệu được sử dụng để tìm kiếm tài liệu (kết quả tìm kiếm được thể hiện ở Hình 1).

Thuật toán tìm kiếm nhóm nghiên cứu sử dụng là: NOFT(intellectual property OR IP OR copyright OR related rights) AND NOFT(cultural industry OR creative industry OR creative economy).

Filter: Scholarly journals, Article, English.

Chúng tôi kết hợp các từ khóa: “intellectual property”, “IP”, “copyright”, “related rights”, “cultural industry”, “creative industry”, “creative economy” trong tiêu đề, tóm tắt và chỉ mục của các tài liệu trên cơ sở dữ liệu Proquest Central, trả về 8520 kết quả *(thực hiện tra cứu ngày 05/11/2025).*

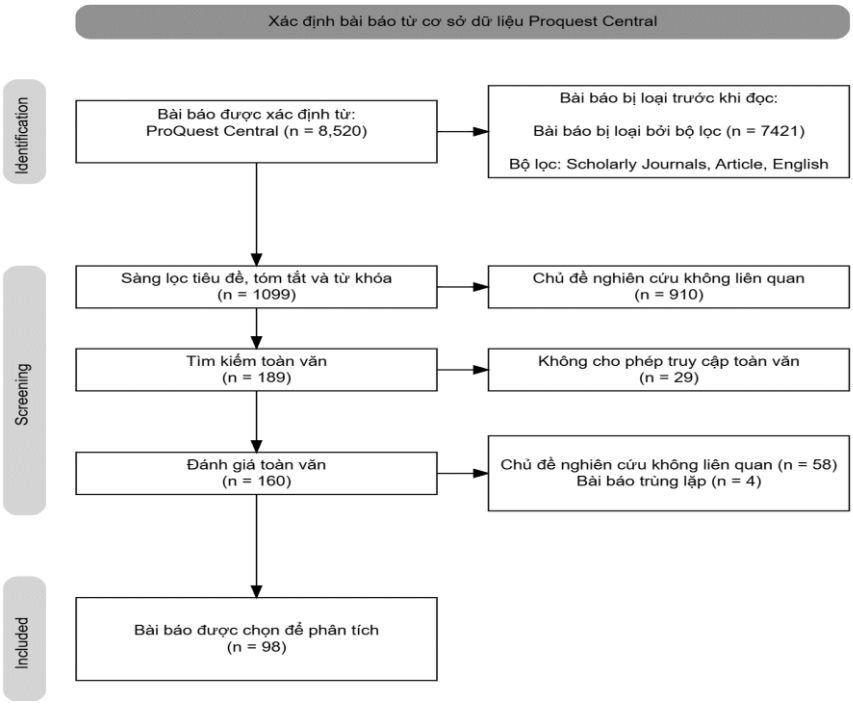
Tiếp theo, chúng tôi sử dụng bộ lọc của Proquest Central ở các tiêu chí *“loại nguồn: tạp chí học thuật”, “loại tài liệu: bài báo khoa học”,*

và "ngôn ngữ: tiếng Anh", thu được 1099 kết quả. Sau khi quét qua tiêu đề và tóm tắt, 910 bài báo bị loại vì chủ đề nghiên cứu không liên quan đến thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong công nghiệp văn hoá. Tiếp theo, chúng tôi thực hiện tra cứu toàn văn của các tài liệu, và loại thêm 29 bài báo không cho phép truy cập toàn văn. Toàn văn của các nghiên cứu còn lại được xem xét, và 58 bài báo bị loại do không liên quan chặt chẽ tới chủ đề nghiên cứu. Sau khi loại bỏ các bài trùng lặp, còn lại 98 bài báo đủ điều kiện để phân tích trắc lượng thư mục.

Phương pháp xử lý thông tin:

Nghiên cứu này sử dụng phần mềm VOSviewer để thực hiện phân tích trắc lượng thư mục. Phần mềm này sử dụng các thông số của tư liệu thu thập được để tạo mạng lưới ấn phẩm, nhà nghiên cứu, tổ chức nghiên cứu, từ khóa và thuật ngữ [4]. Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng VOSviewer để phân tích đồng tác giả (*Co-authoring Network*) và đồng xuất hiện của từ khóa (*Co-occurrence of Keywords*). Trong đó, phân tích đồng tác giả là xác định cách các nhà nghiên cứu kết nối với nhau dựa trên số lượng công trình khoa học mà họ cùng đứng tên, giúp hiểu về quan hệ hợp tác giữa các nhà nghiên cứu trong lĩnh vực này. Còn phân tích đồng xuất hiện của từ khóa là xác định các từ khóa đã xuất hiện, và tần suất mà hai từ khóa được sử dụng trong cùng tài liệu, giúp nhận diện các xu hướng, chủ đề trong lĩnh vực nghiên cứu.

Ngoài ra, chúng tôi cũng sử dụng phần mềm Microsoft Excel để lập bản đồ khoa học theo năm xuất bản và theo địa lý.



Hình 1. Trực quan hóa quá trình tìm kiếm tài liệu trên Proquest Central.
(Nguồn: nhóm tác giả lập bằng PRISMA Statement).

3. Thống nhất khái niệm

3.1. Công nghiệp văn hoá

Xuất hiện lần đầu trong tác phẩm Biện chứng của Khai sáng (*Dialectic of Enlightenment*), khái niệm "công nghiệp văn hoá" được sử dụng với hàm ý tiêu cực, phản ánh sự lo ngại của các học giả thập niên 1930, 1940 về những nguy cơ văn hoá bị biến đổi trước tính chất thương mại [5].

Song, với giá trị kinh tế mà các ngành này tạo ra trên thực tế, công nghiệp văn hoá khẳng

định được vị trí trong chính sách phát triển nền kinh tế của các quốc gia và trong khuyến nghị của nhiều tổ chức quốc tế. UNESCO đã nhiều lần bổ sung, chỉnh sửa trong các tài liệu của mình những hiểu biết về các ngành công nghiệp văn hoá. Năm 1982, họ cho rằng một ngành công nghiệp văn hoá được coi là tồn tại khi các hàng hoá và dịch vụ văn hoá được sản xuất, sao chép, lưu trữ hoặc phân phối theo dây chuyền công nghiệp và thương mại, dựa trên các cân nhắc về kinh tế hơn là các mối quan tâm đến sự phát triển văn hoá [6]. Sang đến thế kỷ XXI, trong tài liệu thống kê về ngành công nghiệp văn hoá năm 2007, tổ chức này định nghĩa rằng các ngành sản xuất ra những sản phẩm vật thể và phi vật thể về nghệ thuật và sáng tạo, có tiềm năng thúc đẩy việc tạo ra của cải vật chất thông qua việc khai thác những giá trị văn hóa và sản xuất những hàng hoá và dịch vụ dựa vào tri thức (kể cả những giá trị văn hóa hiện đại và truyền thống). Điểm chung nhất của các ngành công nghiệp văn hóa là nó sử dụng tính sáng tạo, tri thức văn hóa và quyền sở hữu trí tuệ để sản xuất ra các sản phẩm,… [7].

Ngoài ra một số tổ chức và quốc gia cũng sử dụng những thuật ngữ khác, bao gồm nhưng không giới hạn những nội hàm của các ngành công nghiệp văn hoá, ví dụ như: kinh tế sáng tạo và các ngành công nghiệp sáng tạo, công nghiệp dựa trên bản quyền, công nghiệp nội dung,…

Tại Việt Nam, chiến lược phát triển của Chính phủ sử dụng khái niệm công nghiệp văn hoá. Theo đó, có thể hiểu rằng các ngành công nghiệp văn hoá là *"những ngành tạo ra các sản phẩm kết hợp yếu tố văn hoá, sáng tạo, công nghệ và quyền sở hữu trí tuệ, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, hưởng thụ văn hoá của người dân và phù hợp với mục tiêu hội nhập quốc tế, phát triển bền vững đất nước"* [4]. Hiện tại theo chiến lược đến năm 2030, tầm nhìn 2045, Việt Nam quan tâm đến 10 ngành công nghiệp văn hoá trọng điểm là: (1) Điện ảnh; (2) Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; (3) Nghệ thuật biểu diễn; (4) Phần mềm và các trò chơi giải trí; (5) Quảng cáo; (6) Thủ công mỹ nghệ; (7) Du lịch văn hóa; (8) Thiết kế sáng tạo; (9) Truyền hình và phát thanh; (10) Xuất bản [3].

3.2. Thực thi quyền sở hữu trí tuệ

Theo WIPO, thực thi quyền sở hữu trí tuệ (intellectual property enforcement) là "hành động pháp lý khi quyền sở hữu trí tuệ bị xâm phạm,… Mục tiêu là nhằm ngăn chặn hành vi xâm phạm, ngăn ngừa các hành vi xâm phạm tiếp theo và khắc phục thiệt hại do các hành vi này gây ra" [8].

Khái niệm này cũng được sử dụng chính thức trong Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS) của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Các quốc gia ký kết đã đồng thuận rằng, luật pháp quốc gia phải đảm bảo "khả năng khiếu kiện có hiệu quả đối với mọi hành vi xâm phạm các loại quyền sở hữu trí tuệ được đề cập trong Hiệp định này", bao gồm cả "những biện pháp chế tài khẩn cấp nhằm ngăn chặn các hành vi xâm phạm và những biện pháp chế tài nhằm ngăn chặn không để các hành vi xâm phạm tiếp diễn" [9]. Tuân theo đó, pháp luật của các quốc gia thành viên thiết lập các quy định về thực thi quyền sở hữu trí tuệ, và có xu hướng phát triển hệ thống thực thi của mình theo tiêu chuẩn cao hơn Hiệp định TRIPS (hay còn gọi là TRIPS-plus).

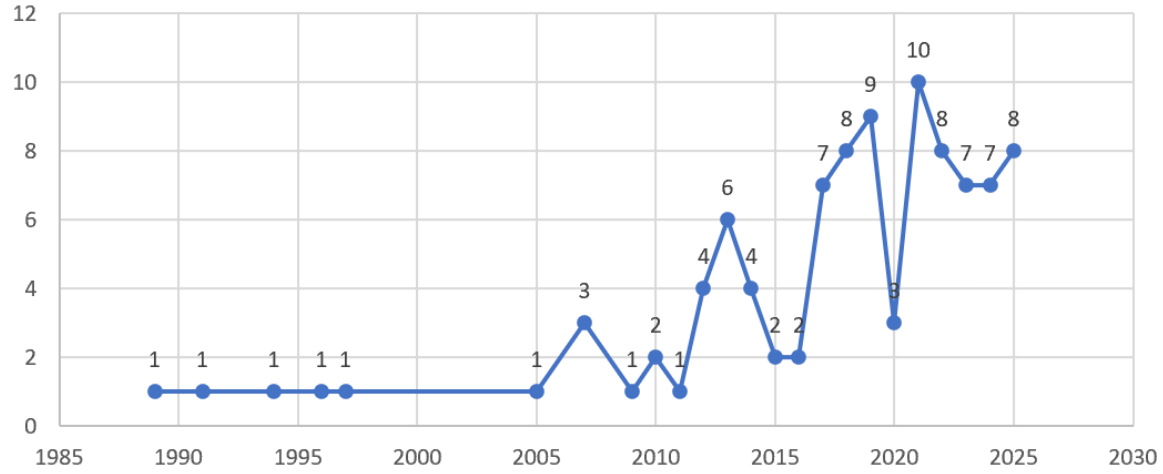
Một số nghiên cứu cũng đưa ra các quan điểm rộng hơn về khái niệm thực thi quyền sở hữu trí tuệ, không chỉ giới hạn ở việc giải quyết các vụ việc xâm phạm dưới sự can thiệp của các cơ quan có thẩm quyền mà bao gồm những biện pháp khác của chủ thể quyền. Chẳng hạn K. Weatherall, E. Webster và L. Bently cho rằng thực thi cũng bao gồm các biện pháp "phi chính thức" như gửi thư cảnh báo, tự giám sát thị trường, thương lượng [10]. Trong nghiên cứu của S. K. Sell, việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ còn được mở rộng đến vấn đề thực thi nguyên tắc cân bằng lợi ích, như bảo đảm các ngoại lệ và giới hạn của quyền sở hữu trí tuệ, nguyên tắc sử dụng hợp lý, và các biện pháp chống độc quyền,… [11]. Ngoài ra ở góc độ triết lý, L. van Greunen và I. Gobac đã chỉ ra một sự chuyển dịch trong quan điểm về thực thi quyền sở hữu trí tuệ, từ "trừng phạt" (*punitive*) sang "xây dựng sự tôn trọng đối với quyền sở hữu trí tuệ" (*building respect for IP*) [12].

Pháp luật về sở hữu trí tuệ ở Việt Nam hiện nay không sử dụng thuật ngữ thực thi quyền sở hữu trí tuệ, mà thay vào đó là "bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ". Theo quan điểm của Cục Sở hữu trí tuệ, hai thuật ngữ này có nội hàm tương đương. Cơ quan này cũng đưa ra định nghĩa cho khái niệm thực thi quyền sở hữu trí tuệ: *là việc thực hiện các biện pháp theo quy định của pháp luật để bảo vệ các quyền cho chủ các đối tượng sở hữu trí tuệ được bảo hộ theo luật định và ngăn chặn, xử lý người khác sử dụng, khai thác trái phép các đối tượng sở hữu trí tuệ đó"* [13]. Các quy định liên quan đến thực thi quyền sở hữu trí tuệ được nêu tại tại Chương XVI-XVIII, phần thứ năm Luật Sở hữu trí tuệ (Số 50/2005/QH11, sửa đổi, bổ sung các năm 2009, 2019, 2022, 2025) cho thấy chủ thể thực thi quyền sở hữu trí tuệ bao gồm cả chủ thể quyền hoặc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Từ đó, các biện pháp thực thi quyền sở hữu trí tuệ bao gồm: (1) Các biện pháp tự bảo vệ của chủ thể quyền (như áp dụng biện pháp công nghệ; yêu cầu chấm dứt các hành vi xâm phạm, xin lỗi, bồi thường; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm; khởi kiện ra toà án hoặc trọng tài,…); (2) Các biện pháp của cơ quan có thẩm quyền (dân sự, hình sự, hành chính, kiểm soát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu) [14].

Quyền sở hữu trí tuệ đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra giá trị kinh tế từ các sản phẩm văn hoá, và cũng bảo vệ sức sáng tạo của các chủ thể trong ngành công nghiệp văn hoá. Các sản phẩm của các ngành công nghiệp văn hoá theo chính sách của Việt Nam hầu hết là đối tượng của quyền tác giả, quyền liên quan (một số có thể là đối tượng được bảo hộ kiểu dáng công nghiệp như 'thủ công mỹ nghệ'; hoặc không phải là đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ như 'du lịch văn hoá'). Đồng thời, trong sản xuất và thương mại các sản phẩm này, các đối tượng khác của quyền sở hữu trí tuệ như sáng chế, nhãn hiệu,… cũng tạo ra giá trị và khả năng cạnh tranh của các chủ thể quyền. Do đó, thực thi quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là đối với các tài sản trí tuệ thuộc lĩnh vực văn hoá sáng tạo, là hành động pháp lý gắn liền với sự phát triển của các ngành công nghiệp văn hoá.

4. Các kết quả nghiên cứu

Dựa trên tư liệu thu được từ cơ sở dữ liệu ProQuest Central (n=98), nhóm nghiên cứu thống kê số lượng bài báo xuất bản theo từng năm về thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong ngành công nghiệp văn hoá, nhằm tìm hiểu lịch sử phát triển của chủ đề này:



Hình 2. Phân bố theo năm số lượng bài báo khoa học về thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong ngành công nghiệp văn hoá.
(Nguồn: nhóm tác giả lập bằng Microsoft Excel).

Kết quả cho thấy, bài báo khoa học đầu tiên về chủ đề thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong ngành công nghiệp văn hoá được xuất bản năm 1989, có tên *'Sound Sampling Protection And Infringement in Today's Music'* của tác giả McGraw. Bài báo dành một phần đáng kể nội dung thảo luận về các biện pháp tiềm năng để ngăn chặn và khắc phục hậu quả do hành vi xâm phạm quyền tác giả liên quan đến lấy mẫu âm thanh kỹ thuật số *(Digital Sound Sampling)* trong ngành công nghiệp âm nhạc tại Hoa Kỳ [15]. Dù bài báo đầu tiên được xuất bản từ khá sớm, số lượng bài nghiên cứu về chủ đề thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong ngành công nghiệp văn hoá đã không cho thấy sự tăng trưởng đáng kể nào trong giai đoạn 1990-2010.

Tình hình nghiên cứu về thực thi quyền sở hữu trí tuệ đối với ngành công nghiệp văn hoá có xu hướng tăng trong giai đoạn 2011-2015, và tăng mạnh trong giai đoạn 2017-2019. Chúng tôi nhận thấy sự suy giảm đáng chú ý về số lượng công bố vào năm 2020. Nhóm nghiên cứu phỏng đoán nguyên nhân do ảnh hưởng của đại dịch, năm 2020 là thời điểm COVID-19 được Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) tuyên bố là đại dịch toàn cầu [16], gây ra sự đình trệ trên hầu hết lĩnh vực, không ngoại trừ hoạt động nghiên cứu và công bố.

Tuy nhiên, giai đoạn 2021-2025 lại chứng kiến sự nhảy vọt và duy trì ổn định số lượng công bố khoa học về thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong ngành công nghiệp văn hoá. Các ngành công nghiệp văn hoá dần lấy lại nhịp phát triển dù vẫn chịu ảnh hưởng của đại dịch, và hoạt động thực thi quyền sở hữu trí tuệ với ngành này trở thành mối quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu. Đây cũng là giai đoạn trí tuệ nhân tạo tạo sinh thâm nhập và phổ biến ở phạm vi toàn cầu, làm nảy sinh nhiều vấn đề về xâm phạm quyền tác giả (chẳng hạn hoạt động đào tạo AI sử dụng trái phép các tác phẩm được bảo hộ), khiến nhu cầu nghiên cứu về các biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa xâm phạm tăng cao.

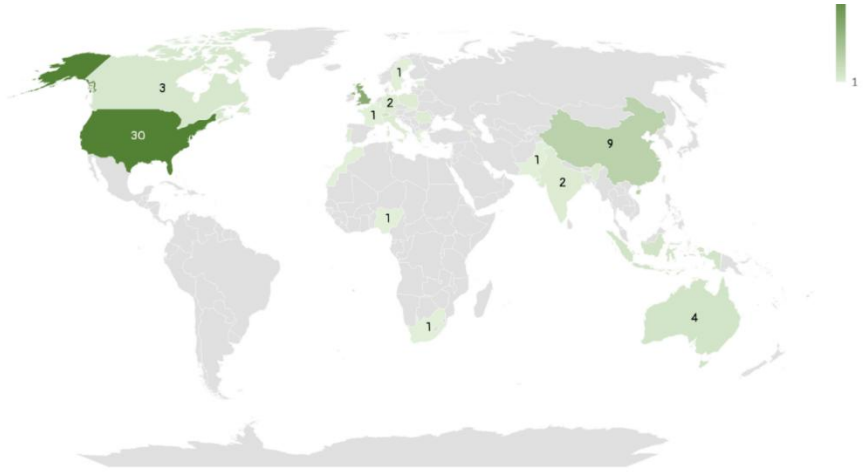
4.1. Phân bổ công trình nghiên cứu theo địa lý

Để tìm hiểu đóng góp của các quốc gia, khu vực về chủ đề thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong ngành công nghiệp văn hoá, nhóm tác giả đã thống kê số lượng bài báo theo khu vực địa lý (Bảng 1 và Hình 3) như sau:

Bảng 1. Số lượng công trình nghiên cứu theo khu vực địa lý

Khu vực	Số lượng bài báo	Tỉ lệ	Quốc gia
Châu Âu	39	39,8%	Vương Quốc Anh (19); Thụy Sĩ (4); Ý (2); Đức (2); Ba Lan (2); Bồ Đào Nha (2); Romania (2); các quốc gia khác (6)
Bắc Mỹ	33	33,7%	Hoa Kỳ (30); Canada (3)
Châu Á - Thái Bình Dương	23	23,5%	Trung Quốc (9); Úc (4); Indonesia (4); Ấn Độ (2); các quốc gia khác (4)
Châu Phi	3	3,0%	Nam Phi (1); Nigeria (1); Ma Rốc (1)

Thống kê số lượng bài báo khoa học về thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong ngành công nghiệp văn hoá, cho thấy sự đa dạng về quốc gia/khu vực địa lý của các công trình nghiên cứu. Khu vực có số lượng công trình nghiên cứu nhiều nhất là Châu Âu (39), theo sau là khu vực Bắc Mỹ (33). Đại diện cho hai khu vực này lần lượt là Vương Quốc Anh với 19 ấn phẩm (khoảng 19.4%), và Hoa Kỳ với 30 ấn phẩm (khoảng 30.6%). Về phía các nước châu Á, nhóm tác giả đặc biệt quan tâm đến Trung Quốc và Indonesia, hai quốc gia đóng góp nhiều công trình khoa học nhất trong khu vực. Điều này cũng dễ hiểu khi Trung Quốc là quốc gia hàng đầu thế giới ở nhiều ngành công nghiệp văn hoá, với tổng doanh thu từ các ngành công nghiệp văn hoá đạt 2,3 nghìn tỷ USD vào năm 2022 [1]. Cũng thế, Indonesia có tới 24 triệu lao động trong các ngành công nghiệp văn hoá (theo báo cáo của UNCTAD) [1]. Ngoài ra, khu vực châu Phi cũng đóng góp một số bài báo về thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong ngành công nghiệp văn hoá.



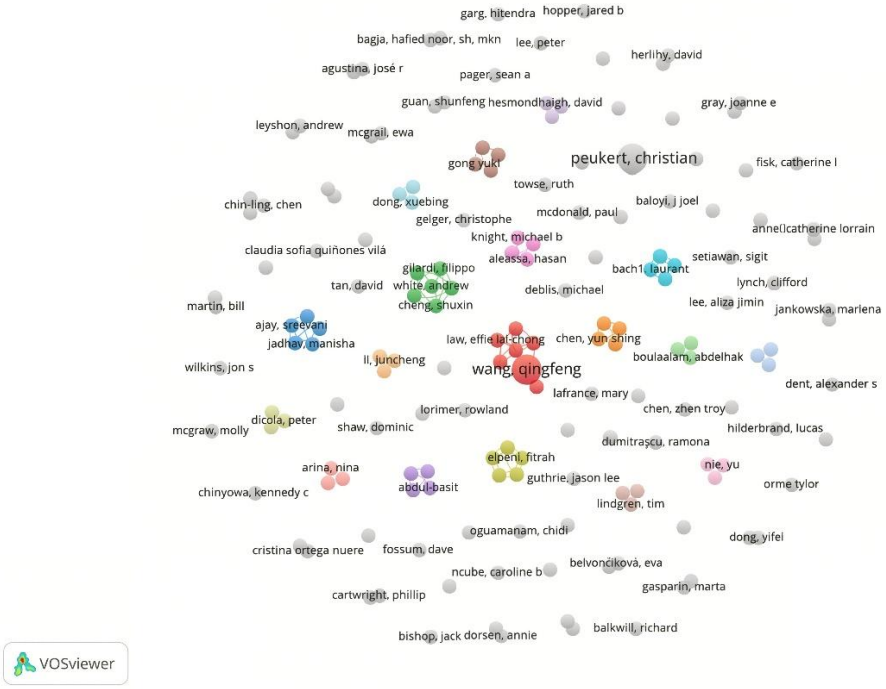
Hình 3. Bản đồ phân bổ nghiên cứu về thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong ngành công nghiệp văn hoá. (Nguồn: nhóm tác giả lập bằng Microsoft Excel).

Các ấn phẩm từ Trung Quốc, Indonesia hay Nigeria chủ yếu tập trung nghiên cứu về chính quốc gia này. Trong khi đó, các nghiên cứu ở Hoa Kỳ lại có phạm vi rộng (được hiểu là vượt ra ngoài lãnh thổ của quốc gia này). Bằng chứng là không phải Nigeria, mà Hoa Kỳ là quốc gia nghiên cứu nhiều nhất về Nigeria, với 2 bài báo trên ProQuest Central: "*The Role of Policy in the Development of the Creative Industries: A Review of Government Involvement in Nigeria's Creative Industries*" [17] và "*Technological countermeasures of copyright piracy enforcement in Nigeria: An alternative to creative works owners' livelihood in a monolithic economy post COVID-19"* [18]. Cũng với cơ sở dữ liệu Proquest Central, Việt Nam hiện chưa có nhiều đóng góp cho chủ đề này, cho thấy đây là dư địa tiềm năng chờ đợi các nhà nghiên cứu khai phá.

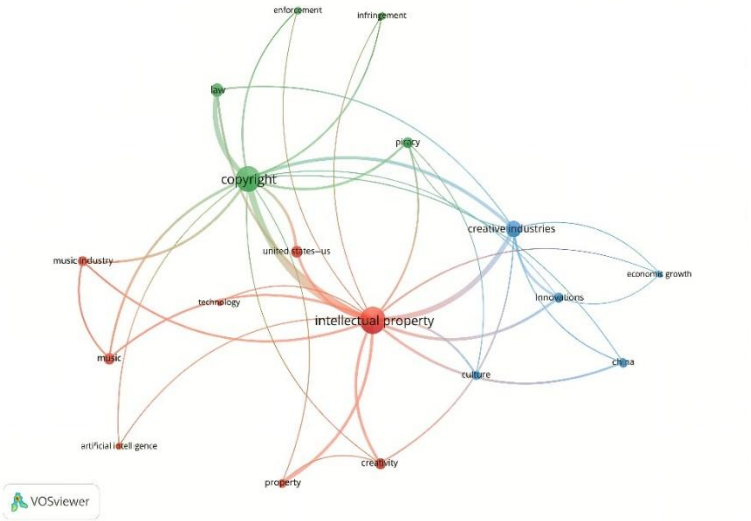
4.2. Mạng lưới hợp tác nghiên cứu

Từ dữ liệu thu thập trên ProQuest Central, nhóm nghiên cứu sử dụng phần mềm VOSviewer để phân tích đồng tác giả (Hình 4), nhằm tìm hiểu khuynh hướng hợp tác nghiên cứu về thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong ngành công nghiệp văn hoá.

Theo đó, trong 98 bài báo được phân tích, có tới 58 bài báo của tác giả độc lập, và còn lại 40 bài báo là kết quả làm việc tập thể của các nhóm tác giả (chủ yếu là nhóm 2-3 thành viên). Điều này cho thấy hoạt động hợp tác giữa các nhà nghiên cứu trong lĩnh vực này còn tương đối hạn chế. Trong tổng số 169 tác giả, có 3 tác giả có 2 bài báo. Wang và Xu là nhóm tác giả duy nhất đồng tác giả 2 bài báo: *"Understanding attitudes towards intellectual property from the perspective of design professionals"* [19] và *"Exploring Chinese design business owners' attitudes towards intellectual property rights"* [20]. Hai bài báo đều hướng tới mục tiêu tìm hiểu các yếu tố định hình thái độ đối với quyền sở hữu trí tuệ, nhưng có hai tệp đối tượng khảo sát khác nhau (nhà thiết kế và chủ doanh nghiệp thiết kế) và với phương pháp nghiên cứu khác nhau (phỏng vấn bán cấu trúc với nhà thiết kế, khảo sát bằng bảng hỏi với chủ doanh nghiệp). Chúng cùng đi tới kết luận rằng nhận thức của cá nhân về hiệu quả thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ có tác động đáng kể tới thái độ của họ đối với quyền sở hữu trí tuệ. Nói cách khác, khi các nhà thiết kế hoặc chủ doanh nghiệp thiết kế cảm nhận rằng việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ đang diễn ra hiệu quả, họ sẽ có thái độ tích cực hơn đối với hệ thống sở hữu trí tuệ. Từ kết quả khảo sát chủ doanh nghiệp, bài báo dẫn tới nhận định: cải thiện việc thực thi pháp luật sở hữu trí tuệ có thể đóng góp đáng kể vào sự phát triển của việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong ngành thiết kế [20].



Hình 4. Phân tích đồng tác giả trong nghiên cứu về thực thi quyền sở hữu trí tuệ đối với ngành công nghiệp văn hoá.
(Nguồn: nhóm tác giả phân tích bằng VOSviewer).



Hình 5. Phân tích đồng xuất hiện của từ khóa liên quan đến thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong ngành công nghiệp văn hoá.
(Nguồn: nhóm tác giả phân tích bằng VOSviewer).

4.3. Phân tích từ khóa

Nhóm nghiên cứu sử dụng phần mềm VOSviewer để thực hiện phân tích đồng xuất hiện của các từ khoá, của 98 bài báo được lấy từ cơ sở dữ liệu ProQuest Central. Chúng tôi đặt điều kiện mỗi từ khoá cần xuất hiện tối thiểu 10 lần, sau đó xem xét loại bỏ những từ khoá không liên quan, và từ khóa trùng lặp (chẳng hạn từ khoá 'innovation' chỉ đơn giản là dạng số ít của từ khóa 'innovations', nên bị loại bỏ vì trùng lặp). Kết quả thu được 18 từ khoá đáp ứng tiêu chí để phân tích. Kết quả phân tích từ khoá bằng VOSviewer chia thành 3 cụm (xem Hình 5 và Bảng 2).

Kết quả phân tích đồng xuất hiện từ khóa cho thấy, ở vị trí trung tâm là các từ khóa "intellectual property", "copyright" và "creative industries" - chúng có liên kết với tất cả những từ khóa khác. Nhìn chung, các cụm không quá phân hóa với nhau, chúng chia sẻ nhiều mối liên kết, ngụ ý rằng các hướng nghiên cứu về thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong ngành công nghiệp văn hoá thường xuyên giao thoa. Nói cách khác, một bài báo có thể cùng lúc thuộc vào 2 hay 3 cụm.

Bảng 2. Phân loại bài báo khoa học về thực thi quyền sở hữu trí tuệ đối với ngành công nghiệp văn hoá theo từ khóa

Cụm	Số từ khóa	Từ khóa	Chủ đề của cụm
1	5	copyright (57); enforcement (12); infringement (12); law (24); piracy (19).	Nghiên cứu về biện pháp xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong ngành công nghiệp văn hoá.
2	8	artificial intelligence (11); technology (10); creativity (20); intellectual property (63); music (21); music industry (17); property (15); united states--us (21);	- Nghiên cứu về biện pháp công nghệ bảo vệ quyền tác giả *(Technological Protection Measures - TPMs)* trong lĩnh vực công nghiệp văn hoá. - Nghiên cứu về thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong ngành công nghiệp âm nhạc. - Nghiên cứu về thực trạng thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong các ngành công nghiệp văn hoá tại Hoa Kỳ.
3	5	creative industries (32); innovations (18); culture (16); economic growth (11); china (15).	- Nghiên cứu về mối quan hệ giữa thực thi quyền sở hữu trí tuệ với phát triển kinh tế và đổi mới sáng tạo trong ngành công nghiệp văn hoá. - Nghiên cứu về thực trạng thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong các ngành công nghiệp văn hoá tại Trung Quốc.

5. Bình luận và các hàm ý chính sách

Bằng phương pháp trắc lượng thư mục, nghiên cứu chỉ ra các xu hướng nghiên cứu nổi bật trong thực thi quyền sở hữu trí tuệ đối với các ngành công nghiệp văn hóa ở các khía cạnh như sau:

i) Nghiên cứu các biện pháp xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong các ngành công nghiệp văn hóa: đây được xem là hướng nghiên cứu chủ đạo và đặc trưng, các nghiên cứu này gắn với quá trình nhận diện các yếu tố xâm phạm, cùng các biện pháp để ngăn chặn hành vi xâm phạm, xử lý các vi phạm pháp luật đối với các hành vi xâm phạm quyền tác giả thông qua các biện pháp: hành chính, dân sự và hình sự. Các nghiên cứu này liên quan đến: khoa học sở hữu trí tuệ, luật học và các ngành khoa học thuộc các tiểu ngành của các ngành công nghiệp văn hóa.

ii) Nghiên cứu về các biện pháp công nghệ trong việc bảo vệ quyền tác giả trong các ngành công nghiệp văn hóa: trong bối cảnh phát triển của công nghệ đặc biệt là công nghệ AI, Blockchain,... việc xâm phạm quyền đối với các

sản phẩm sáng tạo thuộc các ngành công nghiệp văn hóa xảy ra trên các nền tảng số đã và đang trở nên phổ biến, việc các chủ thể bảo vệ quyền sử dụng các biện pháp công nghệ để bảo vệ cho các sáng tạo của mình cũng là một xu hướng nghiên cứu hiện nay. Hướng nghiên cứu này tập trung vào các lĩnh vực đó là: khoa học sở hữu trí tuệ, các lĩnh vực công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin và các ngành khoa học thuộc các tiểu ngành của các ngành công nghiệp văn hóa.

iii) Nghiên cứu về hệ thống thực thi quyền sở hữu trí tuệ đối với các ngành công nghiệp văn hóa: hướng nghiên cứu này tập trung vào các thiết chế giữ vai trò bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với các ngành công nghiệp văn hóa, bảo đảm rằng các giá trị của sáng tạo luôn được pháp luật bảo vệ thông qua các cơ chế tài phán như: tòa án, trọng tài thương mại hay hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước trong việc giải quyết các vụ xâm phạm thông qua các hình thức xử lý vi phạm hành chính. Hướng nghiên cứu này tập trung vào các lĩnh vực đó là: khoa học sở hữu trí tuệ, khoa học luật: bao gồm các tiểu ngành như: Luật hành chính và tố tụng hành chính, luật hình sự và tố tụng hình sự, luật dân sự và tố tụng dân sự kết hợp với các ngành khoa học thuộc các tiểu ngành của các ngành công nghiệp văn hóa.

iv) Nghiên cứu về mối quan hệ giữa thực thi quyền sở hữu trí tuệ đối với phát triển của kinh tế tri thức, đổi mới sáng tạo trong các ngành công nghiệp văn hóa; hướng nghiên cứu này tập trung vào vấn đề kinh tế học sở hữu trí tuệ thông qua khai thác các giá trị sáng tạo từ các ngành công nghiệp văn hóa. Nói cách khác đó là việc tạo ra các giá trị kinh tế từ các ngành công nghiệp văn hóa thông qua quản lý, khai thác, thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Hướng nghiên cứu này, tập trung vào các lĩnh vực đó là: Chính trị học, Khoa học chính sách, kinh tế học, xã hội học, tâm lý học, khoa học sở hữu trí tuệ kết hợp với tiểu ngành, lĩnh vực khoa học thuộc các ngành công nghiệp văn hóa.

Như vậy, xu hướng nghiên cứu liên ngành trong quản lý quyền sở hữu trí tuệ đối với phát triển các ngành công nghiệp văn hóa đã và đang hiện hữu trong bản đồ nghiên cứu của các quốc gia trên thế giới, các nghiên cứu này đa phần được tập trung tại các quốc gia phát triển hoặc có tiềm năng phát triển các ngành công nghiệp văn hóa. Dự báo trong tương lai, với sự phát triển của kinh tế tri thức, với nền tảng là sự sáng tạo, thì đây sẽ là xu hướng tất yếu, nói cách khác tương lai của sự phát triển bền vững các ngành công nghiệp văn hóa sẽ gắn với các vấn đề trong thực thi quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm sáng tạo.

Từ xu hướng nêu trên của thế giới, đặt trong bối cảnh Việt Nam, với những định hướng trong phát triển văn hóa nói chung và các ngành công nghiệp văn hóa nói riêng của Đảng và Nhà nước, việc phát triển các xu hướng nghiên cứu đồng thời xây dựng đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ trong lĩnh vực thực thi quyền sở hữu trí tuệ đối với phát triển các ngành công nghiệp văn hóa cần được quan tâm, chú trọng. Nhóm tác giả đưa ra các giải pháp và hàm ý chính sách để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học và đào tạo nguồn nhân lực gắn với các xu hướng này ở Việt Nam:

(1) Từ khía cạnh đào tạo:

Xuất phát từ tính liên ngành của vấn đề nghiên cứu, các vấn đề về đào tạo nguồn nhân lực cần được chú trọng, những biện pháp cần được nhấn mạnh đó là:

- Sự cần thiết của việc đưa các chương trình đào tạo về sở hữu trí tuệ trở thành một môn học bắt buộc đối với các ngành đào tạo về khoa học xã hội và khoa học nhân văn cũng như các ngành khoa học kĩ thuật và công nghệ.

- Phát triển các chương trình đào tạo chuyên sâu về sở hữu trí tuệ, chuyên môn hóa lĩnh vực sở hữu trí tuệ trong các cơ sở đào tạo về luật học, kinh doanh và quản lý từ các cấp độ thạc sĩ, tiến sĩ;

(2) Từ khía cạnh của nghiên cứu khoa học:

- Xây dựng các nhóm nghiên cứu chuyên sâu trong thực thi quyền sở hữu trí tuệ đối với các ngành công nghiệp văn hóa trong các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu trong và ngoài nước thông qua triển khai các dự án nghiên cứu về thực thi quyền sở hữu trí tuệ đối với các ngành công nghiệp văn hóa.

- Hình thành mối liên kết giữa các chủ thể trong phát triển các hướng nghiên cứu về thực thi

quyền sở hữu trí tuệ trong phát triển công nghiệp văn hoá, bao gồm:

i) Mối liên kết giữa các cơ sở đào tạo về luật học, khoa học xã hội và nhân văn với các cơ sở đào tạo các ngành nghệ thuật thuộc các lĩnh vực công nghiệp văn hoá;

ii) Mối liên kết giữa cơ sở giáo dục đại học với các tổ chức văn hoá hoạt động, cung ứng các sản phẩm công nghiệp văn hoá.

6. Kết luận

Xu hướng nghiên cứu trong thực thi quyền sở hữu trí tuệ giữ vai trò quan trọng, định hướng cho sự phát triển bền vững các ngành công nghiệp văn hóa. Đây là hướng nghiên cứu có tính liên ngành giữa những lĩnh vực khác nhau như sở hữu trí tuệ, các tiểu ngành, lĩnh vực của các ngành công nghiệp văn hóa, luật học, chính trị học, kinh tế học, xã hội học,… Nghiên cứu đã chỉ ra tính tất yếu trong xu hướng nghiên cứu về thực thi quyền sở hữu trí tuệ đối với phát triển các ngành công nghiệp văn hóa trên thế giới từ đó đề xuất các giải pháp và hàm ý chính sách để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học và đào tạo nguồn nhân lực gắn với các xu hướng này ở Việt Nam.

Một hạn chế đáng kể của nghiên cứu là việc chỉ lựa chọn các công trình nghiên cứu trên cơ sở dữ liệu Proquest Central - một số đề tài nghiên cứu về thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong công nghiệp văn hoá, chẳng hạn các bài báo khoa học sử dụng tiếng Việt đăng trên tạp chí Việt Nam không được đưa vào phân tích - dẫn đến phản ánh chưa đầy đủ bức tranh nghiên cứu khoa học về lĩnh vực này. Do giới hạn về dung lượng, bài viết vẫn chưa có những phân tích chuyên sâu về thực trạng và tiềm năng của nguồn nhân lực nghiên cứu trong lĩnh vực này hiện nay tại Việt Nam, nội dung này sẽ được phân tích và làm rõ trong các nghiên cứu tiếp theo.

7. Lời cảm ơn

Nghiên cứu nằm trong khuôn khổ nghiệm vụ nghiên cứu trọng điểm cấp Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn "Khung chính sách hỗ trợ quản trị tài sản trí tuệ thuộc các ngành công nghiệp văn hóa và sáng tạo tại Việt Nam"; mã số CSTĐ.2026.02.

Tài liệu tham khảo

[1] UNCTAD, Creative Economy Outlook 2024: Technical and Statistical Report, 2024, [Online]. Available: https://unctad.org/system/files/official-document/ditctsce2024d2_en.pdf (accessed on: November 20th, 2025).

[2] UNESCO, Re Shaping Policies for Creativity – 2022 Report: Addressing Culture as a Global Public Good, Paris: UNESCO, 2022, [Online], Available: https://www.unesco.org/reports/reshaping-creativity/2022/en/download-report (accessed on: November 20th, 2025).

[3] Prime Minister, Decision No. 2486/QD-TTg Dated November 14, 2025 of the Prime Minister: Approving the Development Strategy for the Cultural Industries of Vietnam through 2030, with a Vision to 2045, 2025 (in Vietnamese).

[4] N. J. v. Eck, L. Waltman, Software Survey: Vosviewer, a Computer Program for Bibliometric Mapping, Scientometrics, Vol. 84, No. 2, 2009, pp. 523-538.

[5] M. Horkheimer, T. W. Adorno, The Culture Industry: Enlightenment as Mass Deception, in Dialectic of Enlightenment: Philosophical Fragments, Stanford University Press, 2002, pp. 94-136.

[6] UNESCO, Cultural Industries: A Challenge for the Future of Culture, Paris, 1982.

[7] UNESCO, Statistics on Cultural Industries: Framework for the Elaboration of National Data Capacity Building, Bangkok: UNESCO, 2007, [Online], Available: https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000154956 (accessed on: November 20th, 2025).

[8] World Intellectual Property Organization, Intellectual Property Enforcement, [Online], Available: https://www.wipo.int/en/web/ip-enforcement (accessed on: November 20th, 2025).

[9] World Trade Organization, Agreement on Trade-Related Aspects of Intellectual Property Rights, Annex 1C to the Marrakesh Agreement Establishing the World Trade Organization, Marrakesh, Morocco, Apr. 15, 1994, Entered into Force Jan. 1, 1995.

[10] K. Weatherall, E. Webster, L. Bently, IP Enforcement in the UK and Beyond: A Literature Review, Melbourne, Australia: Intellectual Property Institute of Australia, 2009.

[11] S. K. Sell, Cat and mouse: Forum-shifting in the Battle Over Intellectual Property Enforcement, Prepared for the American Political Science Association Meeting, Toronto, Canada, Sept. 3-6, 2009.

[12] L. V. Greunen, I. Gobac, Building Respect for Intellectual Property-the Journey Toward Balanced Intellectual Property Enforcement, The Journal of World Intellectual Property, Vol. 23, No. 5-6, 2020, pp. 696-705, https://doi.org/10.1111/jwip.12177.

[13] Intellectual Property Office of Vietnam, Measures for the Enforcement of Intellectual Property Rights, in Training Materials on Intellectual Property for Officials of Intellectual Property Enforcement Agencies (Basic Contents), Hanoi, Science and Technics Publishing House, 2013, pp. 22-42 (in Vietnamese).

[14] N. Assembly, Law on Intellectual Property (No. 50/2005/QH11, Amended and Supplemented in 2009, 2019, 2022, 2025), 2025 (in Vietnamese).

[15] M. McGraw, Sound Sampling Protection and Infringement In Today's Music, High Technology Law Journal, Vol. 4, No. 1, 1989, pp. 147-169.

[16] Ministry of Health, WHO Declares COVID-19 a Global Pandemic, Ministry of Health, 15 March 15, [Online]. Available: https://moh.gov.vn/chuong-trinh-muc-tieu-quoc-gia/-/asset_publisher/7ng11fEWgASC/content/who-tuyen-bo-covid-19-la-ai-dich-toan-cau (accessed on: November 20th, 2025) (in Vietnamese).

[17] S. Oke, The Role of Policy in the Development of the Creative Industries: A Review of Government Involvement in Nigeria's Creative Industries," The Journal of Business Diversity, Vol. 23, No. 2, 2023, pp. 64-78.

[18] L. E. Ume, Technological Countermeasures of Copyright Piracy Enforcement in Nigeria: aAn Alternative to Creative Works Owners' Livelihood in a Monolithic Economy Post COVID-19, in Library Philosophy and Practice, Vol. 2021, 2021, pp. 1-9.

[19] S. Xu et al., Understanding Attitudes Towards Intellectual Property from the Perspective of Design Professionals, Electronic Commerce Research, Vol. 21, No. 2, 2021, pp. 521-543.

[20] Q. Wang, S. Xu, Exploring Chinese Design Business Owners' Attitudes Towards Intellectual Property Rights, International Journal of Innovation Management, Vol. 23, No. 6, 2019.